

THÔNG TIN SỔ THÁNG 4/2019

Mục lục

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG THÁNG	2
1. Quốc tế.....	2
2. Trong nước.....	4
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH.....	7
1. Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19/4/2019 của Bộ Công Thương.....	7
2. Quyết định 1312/QĐ-BNN-QLC ngày 22/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7
3. Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/03/2019 của Bộ Kế hoạch đầu tư	8
4. Một số quy định, chính sách liên quan mới được ban hành	9
HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI.....	10
1. Một số hoạt động phục vụ thuận lợi hóa thương mại.....	10
2. Hoạt động phục vụ thuận lợi hóa thương mại tại một số địa phương.....	12
THÔNG TIN CHUYÊN SÂU	17
1. Thuận lợi hóa thương mại để phát triển thị trường cho sản phẩm sữa Việt Nam.....	17
2. Quy định xuất khẩu nông sản và thực phẩm vào Nhật Bản.....	23
Ý KIẾN DOANH NGHIỆP VÀ CHUYÊN GIA	29
1. Dán nhãn năng lượng cho phụ tùng thay thế	29
2. Thực hiện phương thức tự công bố sản phẩm hợp quy dệt may đối với hàng quần áo nhập khẩu.....	30
3. Công bố hợp quy đối với sản phẩm dệt may bán cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất.....	33

4. Thuế VAT cho phế liệu hàng sản xuất xuất khẩu	34
5. Hoàn thuế nhập khẩu sau khi gia công ở nước ngoài, tái xuất sang nước thứ 3.....	35
6. Khai chuyển đổi mục đích sử dụng và xử lý phế liệu, phế phẩm tiêu thụ nội địa.....	36

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG THÁNG

1. Quốc tế

❖ Ngày 25/4/2019, Liên minh Thương mại Toàn cầu đã tổ chức diễn đàn “Tạo thuận lợi thương mại: Cơ hội cho nền kinh tế toàn cầu” tại Colombia. Diễn đàn nhấn mạnh tầm quan trọng của thuận lợi hóa thương mại trong việc tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh. Diễn đàn cũng đã thảo luận các nội dung quan trọng về các cơ hội xuất khẩu lớn hơn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

❖ Từ ngày 23 đến 25/4/2019, Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) đã tổ chức hội thảo quá cảnh cho khu vực Bắc Phi, Cận Đông và Trung Đông (MENA) tại Amman, Jordan với sự tham gia của hơn 30 chuyên gia từ các cơ quan Hải quan thành viên, các tổ chức khu vực và quốc tế, đặc biệt là đại diện Liên minh Vận tải Đường bộ Quốc tế (IRU) và chính quyền Hải quan của Algeria, Bahrain, Ai Cập, Iraq, Jordan, Morocco, Palestine, Sudan, Tunisia và Qatar. Mục tiêu của hội thảo tập trung vào việc tăng cường chế độ quá cảnh, bao gồm trao đổi thông tin, phát triển hệ thống vận chuyển trên máy vi tính, quản lý rủi ro hiệu quả và các biện pháp bảo mật.

❖ Ngày 24/4/2019, Ngân hàng Trung ương Myanmar đã có thư gửi đến 13 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Myanmar với nội dung cho phép các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được rút lại khoản ký quỹ 40 triệu USD tại Ngân hàng Trung ương. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trước đó, tại các cuộc tiếp xúc song phương giữa Lãnh đạo cấp cao, cấp Bộ, tại các kỳ họp Ủy ban Hỗn hợp về Hợp tác song phương giữa Việt Nam - Myanmar, tại các kỳ họp Tiểu ban Hỗn hợp Thương mại, Việt Nam đã bày tỏ quan ngại và kiên trì đề nghị Myanmar dỡ bỏ quy định buộc “tất cả các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Myanmar phải nộp một khoản ký quỹ là 40 triệu USD mà không nêu rõ lộ trình giải tỏa”.

❖ Ngày 16/4/2019, đại diện Liên minh vận tải đường bộ quốc tế (IRU) và đại diện Liên đoàn vận tải đường bộ Hellenic (OFAE) đã họp về cách thực thi Công ước vận tải đường bộ quốc tế (TIR) để có thể giúp tạo thuận lợi thương mại giữa Trung Quốc và châu Âu thông qua cảng Piraeus. Tại đó, Giám đốc kỹ thuật số TIR về

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

IRU đã đưa ra hai kịch bản có thể xảy ra đối với việc triển khai TIR trong hàng hóa container đi qua cảng Piraeus và những lợi ích có được trong mỗi trường hợp.

❖ Từ ngày 3 đến ngày 5/4/2019, Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) đã họp lần thứ tư về đánh giá toàn diện Công ước Kyoto sửa đổi (WGRKC). Khoảng 37 đề xuất mới và 10 đề xuất sửa đổi và chi tiết từ Úc, Ai Cập, EU, Ấn Độ, Nhật Bản, New Zealand, Peru, Philippines, Nam Phi và Uruguay đã được các Thành viên thảo luận rộng rãi. Hội nghị nhất trí đưa ra một số đề xuất về Nhà điều hành kinh tế được ủy quyền (Authorized Economic Operator), vai trò hải quan trong an ninh (Customs Role in Security), quy tắc xuất xứ (Rules of Origin)...

❖ Từ ngày 1 đến ngày 5/4/2019, Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) hợp tác với Hải quan Liên bang Nga, đã tổ chức Hội thảo Tiểu vùng về Nghiên cứu phát hành thời gian (TRS) cho các thành viên Liên bang độc lập (CIS) tại Saint Petersburg, Nga. Đại diện các cơ quan hải quan Armenia, Belarus, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan và Liên bang Nga cùng các đại biểu thuộc lĩnh vực thương mại khác của Nga, bao gồm cả các cơ quan chính phủ và tư nhân đã tham dự, thảo luận về các khía cạnh chính liên quan đến TRS như phương pháp TRS, kinh nghiệm của thành viên liên quan đến việc thực hiện TRS, xác định các tắc nghẽn trong quy trình lưu chuyển hàng hóa, đưa ra các khuyến nghị, giải pháp để giải quyết các nút thắt và bối cảnh thúc đẩy các quốc gia tiến hành TRS ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế.

❖ Từ 26 đến ngày 29/3/2019, Cơ quan Thuế và Hải quan Quốc gia Hungary (NTCA) và Quỹ Hợp tác Hải quan Hàn Quốc (CCF Hàn Quốc) hợp tác với Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) đã tổ chức hội thảo khu vực về Thương mại điện tử xuyên biên giới cho khu vực Châu Âu tại Budapest, Hungary nhằm hỗ trợ các thành viên WCO của khu vực Châu Âu triển khai Khung Tiêu chuẩn về Thương mại Điện tử xuyên biên giới để xây dựng năng lực giải quyết các thách thức do Thương mại Điện tử xuyên biên giới phát triển. Ngoài ra, hội thảo đã thảo luận về một số vấn đề xuyên suốt liên quan đến an ninh, an toàn và buôn bán bất hợp pháp trong môi trường Thương mại điện tử, cũng như các cơ chế hợp tác giữa Hải quan và các nhà khai thác bưu chính liên quan đến việc thiết lập kết nối các hệ thống công nghệ thông tin và bưu chính với hải quan và trao đổi dữ liệu trước để việc quản lý rủi ro đạt hiệu quả. Trong vấn đề này, sự phát triển pháp lý liên quan như Bộ luật Hải quan Liên minh (UCC) của EU, Đạo luật Stop của Hoa Kỳ và các yêu cầu liên quan được chấp nhận.

❖ Cơ quan Hải quan Thụy Sĩ đã ban hành Quy định (gồm các tờ thông tin hướng dẫn) để xác nhận, kiểm tra xuất xứ hàng hoá của Hải quan Thụy Sĩ cho các thị trường. Quy định này xác định tính hợp lệ chính thức về bằng chứng xuất xứ hàng

hoá. Hướng dẫn trong Quy định giúp đối tượng có nghĩa vụ khai báo kiểm tra tính hợp lệ chính thức của bằng chứng xuất xứ hàng hoá. Nếu đối tượng kê khai không xác minh tính hợp lệ của bằng chứng xuất xứ dựa trên thông tin có trong tờ thông tin này, thì được coi là không tuân thủ thủ tục. Các Tờ thông tin hướng dẫn gồm: Giấy chứng nhận di chuyển hàng hoá EUR.1; Giấy chứng nhận di chuyển hàng hoá EUR-MED; Giấy chứng nhận xuất xứ cho Nhật Bản-Thụy Sĩ; Giấy chứng nhận xuất xứ GCC-EFTA; Giấy chứng nhận xuất xứ cho Trung Quốc-Thụy Sĩ; Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu A; Tuyên bố nguồn gốc trong các hiệp định thương mại tự do; Giấy chứng nhận xuất xứ EUR-MED; Khai báo xuất xứ trong phạm vi của Hệ thống Tổng quát (GSP) cho các nước đang phát triển; 10 Tuyên bố về nguồn gốc trong phạm vi của Hệ thống ưu tiên tổng quát (GSP) cho các nước đang phát triển Hệ thống REX (nhà xuất khẩu đã đăng ký).*(Thông tin chi tiết xin liên hệ Bộ phận biên tập Bản tin)*

2. Trong nước

❖ Trong khuôn khổ các hoạt động của Thủ tướng Chính phủ tham dự Hội nghị cấp cao hợp tác quốc tế Vành đai, Con đường lần thứ hai tại Bắc Kinh, Trung Quốc từ ngày 25 – 27/4/2019, Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh đã có buổi gặp và làm việc với Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Trung Quốc Ngô Nhạc Phong. Tại buổi gặp và làm việc, hai bên đã tập trung trao đổi các biện pháp nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại song phương phát triển cân bằng và bền vững; coi trọng vai trò của thương mại hàng nông sản và nhất trí tiếp tục triển khai mạnh mẽ nhằm thúc đẩy hợp tác, tạo thuận lợi hơn nữa cho thương mại hàng nông sản giữa hai nước trong thời gian tới; nhất trí sẽ phối hợp triển khai tốt Nghị định thư về mở cửa thị trường Trung Quốc đối với sản phẩm sữa, măng cụt Việt Nam được ký kết nhân dịp này. Tổng cục Hải quan Trung Quốc cũng cam kết sẽ tích cực phối hợp với phía Việt Nam tiếp tục triển khai các thủ tục đánh giá rủi ro đối với sầu riêng, chanh leo, bơ, bưởi, dứa, na, roi theo thứ tự ưu tiên và các sản phẩm khác như khoai lang và tổ yến Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc.

❖ Ngày 23/4/2019, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức Hội nghị triển khai các giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo “thẻ vàng” của EC đối với hải sản Việt Nam. Hiện, còn 7 nội dung EC khuyến nghị nhưng Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được. Dự kiến cuối tháng 5, đầu tháng 6/2019, đoàn thanh tra của Tổng vụ các vấn đề về biển và thủy sản của Ủy ban châu Âu (DG-Mare) sẽ tiếp tục sang Việt Nam kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các khuyến nghị của EC về chống khai thác, đánh bắt cá bất hợp pháp, không có báo cáo và không được quản lý (IUU).

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các địa phương cần tổ chức triển khai Luật Thủy sản 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, tập trung vào một số nội dung trọng tâm liên quan tới chống khai thác IUU như: Thực hiện cấp hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá, bao gồm cấp phép cho tàu dịch vụ hậu cần nghề cá ngay khi Nghị định 26/2019/NĐ-CP có hiệu lực vào ngày 25/4/2019, bảo đảm 100% tàu cá được cấp giấy phép theo quy định trước tháng 7/2019; thực hiện quy định chặt chẽ về điều kiện không cấp lại giấy phép đối với tàu cá nằm trong danh sách tàu cá IUU; thu hồi giấy phép khai thác đối với tàu khai thác vi phạm vùng biển nước ngoài. Triển khai các quy định liên quan tới theo dõi, kiểm soát, giám sát tàu cá bao gồm các quy định về nhật ký khai thác; quy định trách nhiệm của thuyền trưởng của tàu khai thác từ vùng lộng trở ra phải cập cảng chỉ định...

❖ Ngày 17/4/2019, đoàn công tác do Đại sứ Việt Nam tại Algeria kiêm nhiệm Gambia (một quốc gia Tây Phi) dẫn đầu đã có buổi làm việc với Bộ trưởng Thương mại, Công nghiệp, Hội nhập khu vực và việc làm Gambia. Hai bên đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm thúc đẩy hợp tác và phát triển thương mại song phương như hai nước cần sớm đàm phán và ký kết một số hiệp định hợp tác về thương mại, đầu tư để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hai nước hoạt động. Phía Gambia cũng đề nghị Chính phủ Việt Nam khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sang thị trường Gambia, tận dụng các ưu đãi về thuế mà Mỹ và EU dành cho Gambia để sản xuất và xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường này. Đặc biệt, khi 44 quốc gia châu Phi đã chính thức ký thỏa thuận thương mại tự do châu Phi (CFTA), cam kết sẽ bãi bỏ thuế đối với hơn 90% các mặt hàng trong tương lai thì việc đầu tư vào khu vực này sẽ là cơ hội để cung cấp hàng hóa cho một thị trường rộng lớn 1,2 tỷ dân với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 2.500 tỷ USD.

❖ Tại Hội thảo Bảo lãnh thông quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được Tổng cục Hải quan và Liên minh tạo thuận lợi thương mại (GATF) tổ chức ngày 5/4/2019, đại diện Tổng cục Hải quan cho biết đã đề xuất Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xây dựng Đề án kèm Nghị quyết về việc thực hiện thí điểm cơ chế bảo lãnh thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để trình Quốc hội xem xét thông qua, góp phần tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu để đảm bảo đạt được mục tiêu đến năm 2020 môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh đạt mức trung bình ASEAN 3, trong đó thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới là dưới 36 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu và dưới 41 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu.

Tổng cục Hải quan khẳng định, bảo lãnh thông quan thông qua các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ giúp doanh nghiệp xuất nhập khẩu rút ngắn thời gian thông quan, giải phóng hàng, giảm chi phí, sớm đưa hàng hóa vào sản xuất, có thêm sự lựa chọn

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

đơn vị bảo lãnh nộp thuế ngoài các ngân hàng thương mại như hiện nay, đồng thời cũng nâng cao được tính tự giác tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Đối với các tổ chức kinh doanh bảo hiểm, bảo lãnh thông quan sẽ bổ sung một phương thức kinh doanh mới, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, phát triển thị trường bảo hiểm tại Việt Nam.

❖ Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 78,76 tỷ USD, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 23,33 tỷ USD, tăng 10,5%, chiếm 29,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) ước đạt 55,43 tỷ USD, tăng 4%, chiếm 70,4% (tỷ trọng giảm 1,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2018).

Tổng kim ngạch nhập khẩu 4 tháng ước đạt 78,05 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước ước đạt 32,80 tỷ USD, tăng 14,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 45,25 tỷ USD, tăng 7,6%.

Có thể thấy, do một số mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh nên mức xuất siêu 4 tháng đầu năm nay ước chỉ đạt 711 triệu USD, giảm mạnh so với mức 3,7 tỷ USD của cùng kỳ năm 2018.

❖ Tính chung 4 tháng đầu năm, cả nước có 43.305 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 542,4 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% về số doanh nghiệp và tăng 31,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 12,5 tỷ đồng, tăng 25%. Nếu tính cả 872 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung thêm vào nền kinh tế trong 4 tháng đầu năm nay là 1.414,4 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 17.463 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 52,6% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 4 tháng lên gần 60.800 doanh nghiệp.

Tuy nhiên, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong 4 tháng đầu năm là 16.984 doanh nghiệp, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 5.305 doanh nghiệp, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 4.793 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng (chiếm 90,3% tổng số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể), tăng 11,6%.

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

1. Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19/4/2019 của Bộ Công Thương

“Quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico theo Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương”.

Thông tư bao gồm 5 Chương với 12 Điều, quy định ưu đãi thuế theo hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mexico theo CPTPP, nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan và giám sát hàng dệt may xuất khẩu sang Mexico theo CPTPP.

Để thực việc cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất khẩu hàng dệt may theo CPTPP, việc cấp Chứng thư xuất khẩu theo hạn ngạch thuế quan cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mexico theo CPTPP được quy định tại Điều 6 Thông tư. Cụ thể, cấp Chứng thư xuất khẩu tự động cho thương nhân theo phương thức trừ lùi lượng hạn ngạch thuế quan trên hệ thống điện tử và theo nguyên tắc thương nhân nộp hồ sơ trước được cấp trước, thương nhân nộp hồ sơ sau được cấp sau, cho đến khi hạn ngạch thuế quan được cấp hết.

Ngoài ra, cấp Chứng thư xuất khẩu khi thương nhân đã xuất khẩu lô hàng. Theo cơ chế này thương nhân phải thường xuyên theo dõi cấp hạn ngạch thuế quan trên hệ thống điện tử để nộp hồ sơ đăng ký cấp Chứng thư xuất khẩu.

Thông tư cũng quy định thương nhân xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico theo CPTPP (bao gồm cả thương nhân xuất khẩu theo hạn ngạch thuế quan và cả thương nhân xuất khẩu không theo hạn ngạch thuế quan) phải đăng ký thông tin với Bộ Công Thương để thực hiện cơ chế giám sát hàng dệt may xuất khẩu sang Mexico theo CPTPP.

Thông này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 20/6/2019.

2. Quyết định 1312/QĐ-BNN-QLC ngày 22/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

“Công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”

Theo quyết định, thủ tục cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật thủy sản được thay bằng cấp mới, sửa đổi, bổ sung hay cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Danh sách các thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi), đối với thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, đối với môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi; Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi), đối với thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, đối với môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/4/2019.

3. Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/03/2019 của Bộ Kế hoạch đầu tư

“Hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa”

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư 05/2019/TT-BKHĐT hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa về việc đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh, đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên phương tiện thông tin đại chúng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thông tư nêu rõ mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu 50% tổng chi phí tổ chức một khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% học phí đối với học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa có trụ sở tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ khi tham gia khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh chuyên sâu.

Theo Thông tư, đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh chuyên sâu, đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến gồm: Khóa đào tạo khởi sự kinh doanh cung cấp kiến thức, kinh nghiệm cơ bản về khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp; Khóa đào tạo quản trị kinh doanh và quản trị kinh

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

doanh chuyên sâu cung cấp kiến thức về quản trị kinh doanh nhằm nâng cao kỹ năng vận hành, quản lý doanh nghiệp, trình độ quản trị sản xuất, kinh doanh; Khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, chế biến cung cấp kiến thức quản trị sản xuất chuyên sâu, huấn luyện thực tiễn tại hiện trường doanh nghiệp.

Ngoài ra, còn có chương trình đào tạo trực tuyến, đào tạo qua các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp kiến thức khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Người lao động, cán bộ quản lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp tài khoản, để tham gia học tập tại hệ thống đào tạo trực tuyến trên nền tảng web hoặc trên thiết bị di động thông minh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/5/2019.

4. Một số quy định, chính sách liên quan mới được ban hành

Số hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
Quyết định 18/2019/QĐ-TTg	Quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng	19/4/2019	15/6/2019
Quyết định 1312/QĐ-BNN-QLCL	Công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	22/04/2019	22/04/2019
Quyết định 1276/QĐ-BNN-TCTS	Công bố DS cảng cá chỉ định để xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác	19/04/2019	19/04/2019
Quyết định 920/QĐ-BCT	Ban hành tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2019-2020	16/4/2019	16/4/2019
Quyết định 940/QĐ-BCT	Điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm ván sợi bằng gỗ hoặc các loại vật liệu có chất gỗ khác có xuất xứ từ Vương quốc Thái Lan và Malaysia	16/4/2019	16/4/2019
Thông tư 07/2019/TT-BCT	Quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mexico theo Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	19/4/2019	20/6/2019

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

Số hiệu văn bản	Nội dung văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
Thông tư 05/2019/TT- BKHDĐT	Hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	29/3/2019	12/5/2019
Thông tư 09/2019/TT-BTC	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục của Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	15/02/2019	01/4/2019
Thông tư 02/2019/TT- BKHDĐT	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHDĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	08/01/2019	11/03/2019
Công văn 5546/QLD-ĐK (Bộ Y tế)	Công bố Danh mục nguyên liệu sản xuất thuốc theo hồ sơ đăng ký thuốc đã có giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam được nhập khẩu không phải thực hiện cấp phép nhập khẩu (Đợt 164 và Đợt 164 tiếp theo)	16/4/2019	16/4/2019

HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

1. Một số hoạt động phục vụ thuận lợi hóa thương mại

❖ Ngày 17/4/2019, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Cộng hòa Czech Andrej Babis đã cùng chủ trì Diễn đàn Doanh nghiệp Việt - Czech tại Praha, Cộng hòa Czech. Chính phủ hai nước cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp hai nước mở rộng kết nối, phát triển sáng tạo các ý tưởng, dự án kinh doanh. Tại Diễn đàn, hai Thủ tướng đã chứng kiến việc trao thỏa thuận hợp tác giữa hai bên, trong đó, có biên bản hợp tác giữa tỉnh Hà Tĩnh với Công ty Danvit Express về dự án điện gió trị giá 200 triệu USD.

❖ Ngày 18/4/2019, Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh đã đồng chủ trì Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam – UAE với Bộ trưởng Bộ Kinh tế UAE tại Abu Dhabi, UAE. Bộ trưởng Bộ Công Thương nhấn mạnh việc kêu gọi đầu tư của UAE vào các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng, logistics, hàng không, cảng biển, đường sắt, công nghiệp chế biến, chế tạo, đặc biệt là các lĩnh vực đầy tiềm năng - dầu khí và

năng lượng tại Việt Nam (trong đó quan tâm đến năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và tiết kiệm năng lượng). Ngoài ra, Bộ trưởng cũng giới thiệu thêm về những chính sách ưu đãi thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam, cơ chế thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo... để phía bạn tham khảo, nghiên cứu đầu tư vào Việt Nam trong tương lai.

❖ Ngày 18/4/2019, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước - Đào Minh Tú cùng Phó Chủ tịch Thường trực UBND thành phố Hồ Chí Minh - Lê Thanh Liêm đã đồng chủ trì Hội nghị kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại hội nghị, 16 tổ chức tín dụng ký kết ghi nhớ với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Sở Công Thương Thành phố triển khai gói tín dụng ưu đãi hỗ trợ sản phẩm chủ lực lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp của Thành phố.

❖ Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký Quyết định số 440/QĐ-BTC ngày 27/3/2019 ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), xây dựng các gói hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các cơ hội mang lại từ thực thi hiệp định. Trong công tác xây dựng pháp luật, Bộ sẽ xây dựng nghị định biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu theo quy định của CPTPP với quy trình, thủ tục rút gọn; phối hợp với Bộ Công thương xây dựng nghị định quy định xác minh xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu, hợp tác hải quan và giám sát hải quan; xây dựng thông tư quy định về xuất xứ trong CPTPP liên quan đến thực thi của cơ quan hải quan. Trong việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn năng lực, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các gói hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ để tận dụng cơ hội và lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do; xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành dịch vụ chứng khoán, bảo hiểm của Việt Nam.

❖ Từ ngày 17-18/4/2019, Diễn đàn Pháp lý Liên minh Hợp tác xã quốc tế khu vực châu Á-Thái Bình Dương với chủ đề “Tạo lập khung khổ pháp lý và chính sách thuận lợi để thúc đẩy phát triển bền vững khu vực hợp tác xã trong thế kỷ 21” đã diễn ra tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, các đại biểu tham dự đã thảo luận về xu hướng phát triển và tác động đối với khu vực hợp tác xã trong thế kỷ 21; xác định các vấn đề pháp lý và chính sách ảnh hưởng đến hợp tác xã trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; trao đổi lý luận và kinh nghiệm của các nước khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong tạo lập môi trường thuận lợi và phát triển hệ sinh thái hợp tác xã; chính sách của Chính phủ và hoạt động của khu vực hợp tác xã nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội hiện nay; đề xuất, kiến nghị các giải pháp và kế hoạch hành động, lộ trình triển khai cụ thể và thực chất trong những năm tới ở cấp quốc gia và khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

❖ Ngày 25/4/2019, Vụ Thị trường Châu Âu – Châu Mỹ, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội thảo “Hiệp định CPTPP: Mở rộng chân trời kinh doanh Việt Nam – Canada” nhằm mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp: nắm được các thông tin về cam kết của Hiệp định CPTPP, đặc biệt là cam kết của Việt Nam và Canada trong CPTPP; hiểu được cơ hội thách thức, cũng như khả năng tận dụng CPTPP đối với doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường Canada; phát triển hợp tác đầu tư Canada tại Việt Nam, đẩy mạnh sự tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào chuỗi cung ứng khu vực.

2. Hoạt động phục vụ thuận lợi hóa thương mại tại một số địa phương

❖ Vĩnh Phúc: Xuất khẩu và đầu tư mở rộng nhờ những nỗ lực thuận lợi hóa thương mại

Từ đầu năm 2019, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã khẩn trương ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; xây dựng kịch bản tăng trưởng theo từng quý; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong quý 1/2019 - tiếp tục phát triển tích cực trên hầu hết các lĩnh vực.

Tỉnh đã tăng cường cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh cởi mở, thông thoáng, có tính hấp dẫn và cạnh tranh nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, nhất là trong việc tiếp cận nguồn lực đất đai, hạ tầng điện, nước, ưu đãi thuế. Bên cạnh đó, tỉnh cũng có nhiều cơ chế khuyến khích đào tạo nghề và tuyển dụng lao động; chỉ đạo, giải quyết kịp thời kiến nghị và thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến và tạo thuận lợi trong đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh, số dự án đầu tư trực tiếp tăng cao so với cùng kỳ. Chỉ trong quý 1/2019, tỉnh đã chấp thuận chủ trương, cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 27 dự án, trong đó có 19 dự án FDI với tổng vốn đăng ký mới là 87,1 triệu USD, 8 dự án DDI với tổng vốn đăng ký mới là 5 ngàn tỷ đồng. Số doanh nghiệp dân doanh thành lập mới ước đạt 260 doanh nghiệp với số vốn đăng ký trên 1.640 tỷ đồng. Lũy kế đến tháng 3/2019, toàn tỉnh có 9.844 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, trong đó có 7.215 doanh nghiệp thực tế hoạt động... Đặc biệt, lãnh đạo tỉnh đã tiếp và làm việc với nhiều đoàn công tác của các tổ chức, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đến tỉnh như: Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD); Tập đoàn Lenovo Trung Quốc cùng các doanh nghiệp phụ trợ; Công ty TNHH Interflex Vina; đoàn công tác Trường Đại học Hannam, Hàn Quốc; Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên bang Nga tại Việt Nam... để tranh thủ quảng bá, hợp tác và xúc tiến đầu tư vào tỉnh.

Ngành Hải quan Vĩnh Phúc cũng đóng góp không nhỏ trong việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động xuất khẩu thông qua việc chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách đơn giản hóa thủ tục hành chính. Bằng việc triển khai hệ thống thông quan điện tử tự động VNACCS/VCIS, hải quan Vĩnh Phúc đã tạo nên bước đột phá trong việc tiết giảm thủ tục và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Đây là hệ thống thông quan đồng bộ, hiện đại, tốc độ thông quan nhanh, với những lô hàng ưu tiên (lô hàng luồng xanh) chỉ mất thời gian khoảng 3s, thực hiện hoàn toàn trên máy tính, giúp doanh nghiệp giảm thời gian thực hiện các thủ tục, giảm chi phí in ấn, đi lại. Bên cạnh đó, hệ thống này còn hỗ trợ tích cực cho ngành Hải quan trong việc công khai, minh bạch các thủ tục và thực hiện công tác quản lý hoạt động xuất nhập khẩu có trọng tâm, trọng điểm. Trước đây, doanh nghiệp chủ yếu khai bằng tờ khai trên giấy trung bình mỗi bộ hồ sơ mất thời gian từ 45 phút đến 1 giờ nhưng hiện nay, với hệ thống thông quan điện tử tự động VNACCS/VCIS, một giờ, doanh nghiệp có thể thực hiện được 30 bộ hồ sơ điện tử.

Cùng với triển khai hệ thống thông quan điện tử tự động VNACCS/VCIS, ngành Hải quan Vĩnh Phúc tích cực đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu, chuyển từ phương thức quản lý truyền thống sang vừa quản lý, vừa phục vụ, đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp. Công bố công khai các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu để doanh nghiệp biết và chủ động thực hiện, đồng thời có thể giám sát quy trình thực hiện các thủ tục của ngành Hải quan, từ đó kiến nghị Hải quan điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành. Thường xuyên tổ chức các hội nghị tập huấn, đối thoại giữa Hải quan và doanh nghiệp, cùng nhau chia sẻ, giải đáp các kiến nghị, đề xuất và tháo gỡ khó khăn thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu.

Bên cạnh sự chủ động, nỗ lực của các doanh nghiệp, và nhờ những nỗ lực tạo thuận lợi trong cả lĩnh vực thương mại và đầu tư của các cơ quan quản lý các cấp của tỉnh, Vĩnh Phúc đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Thị trường xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trong tỉnh ngày càng được mở rộng. Toàn tỉnh có trên 200 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu tại 40 quốc gia, vùng lãnh thổ khắp toàn cầu, tập trung vào các thị trường chủ yếu như: Hoa Kỳ, EU, Nga, ASEAN, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc.

Hiện, Vĩnh Phúc có 11/18 khu công nghiệp có chủ đầu tư hạ tầng, trong đó 8 khu công nghiệp đi vào hoạt động với hạ tầng kỹ thuật dần được hoàn thiện đồng bộ, đáp ứng nhu cầu mặt bằng sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư. Cùng với đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, Vĩnh Phúc cũng thu hút được các nhà đầu tư đến từ

nhiều tỉnh, thành phố trong nước, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp, dịch vụ, du lịch trên địa bàn tỉnh. Nhờ đó, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh những năm qua luôn nằm trong tốp dẫn đầu toàn quốc.

❖ Quảng Ninh: Đồng hành cùng doanh nghiệp thông qua thuận lợi hóa thương mại

Tỉnh Quảng Ninh thời gian qua đã có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, tiên phong thực hiện các mô hình mới. Những giải pháp hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp của tỉnh không chỉ là động lực cho doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn mà còn góp phần không nhỏ trong tăng trưởng kinh tế địa phương. Lần thứ 2 Quảng Ninh dẫn đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI 2018). Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Quảng Ninh quý 1/2019 387,6 triệu USD, tăng 3,83% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 18% kế hoạch đề ra.

Có được những thành công này là từ những đóng góp rất lớn của tất cả doanh nghiệp, từ các nhà đầu tư chiến lược, doanh nghiệp lớn đến doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là từ công tác tạo thuận lợi của các cơ quan quản lý cho doanh nghiệp phát triển sản xuất - kinh doanh.

- Về cải cách thủ tục hành chính: thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh liên tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo yêu cầu 3 giảm: Giảm thủ tục, giảm thời gian, giảm chi phí cho nhà đầu tư, chuẩn hoá và đưa 100% các thủ tục hành chính cấp tỉnh và cấp huyện vào thực hiện tại các Trung tâm hành chính công theo nguyên tắc “Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu và trả kết quả tại trung tâm”, giảm từ 40% - 50% số thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đến giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 98%.

- Về hải quan: thực hiện “3 giảm” là thời gian, chi phí và thủ tục. Đặt thường trực trạm kiểm định di động tại cảng Cái Lân để kịp thời tiếp nhận, xử lý các mẫu, sớm cho ra kết quả kiểm định, góp phần rút ngắn thời gian thông quan để giải phóng hàng hóa cho doanh nghiệp với kết quả chính xác trong thời gian chưa đến 1 ngày. Tiếp đó là triển khai thực hiện thành công "Mô hình thực hiện thủ tục và quản lý hải quan tập trung" tại Chi cục hải quan cửa khẩu quốc tế Móng Cái.

Tại các cửa khẩu cảng biển và đường bộ Quảng Ninh đang hình thành các đơn vị kinh doanh dịch vụ logistics với 24 đại lý khai báo làm thủ tục hải quan, 18 kho ngoại quan, trên 30 doanh nghiệp tham gia dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, 2 địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tập trung, 14 kho bãi kiểm tra hàng. Đây là điều kiện thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện khai báo làm thủ tục hải quan, giao nhận và vận chuyển hàng hóa.

- Về hoạt động của doanh nghiệp: đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có khoảng 18.300 doanh nghiệp, vốn đăng ký trên 176.105 tỷ đồng; phấn đấu đến hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 25.000 doanh nghiệp, trong đó có 300 doanh nghiệp có quy mô lớn. Năm 2018 và đến hết quý 1/2019, tỉnh đã giải quyết 100 kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.

❖ Kiên Giang: Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm thế mạnh của tỉnh

Với thế mạnh của một tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là tiềm năng về lúa, thủy hải sản, du lịch..., Kiên Giang đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đặc biệt ở lĩnh vực kinh tế. Kim ngạch xuất khẩu tăng 17,61%/năm.

Nhằm tiếp tục hỗ trợ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất - kinh doanh, UBND tỉnh Kiên Giang đã ban hành kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 31/1/2019 về cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, trong đó yêu cầu các cấp rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, các thủ tục kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh, giảm mức thu phí, bãi bỏ một số phí không cần thiết thuộc thẩm quyền của tỉnh; Cắt giảm, đơn giản hóa các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, nộp thuế và bảo hiểm xã hội thuộc thẩm quyền của tỉnh.

UBND tỉnh cũng ban hành danh mục 16 sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh, được xác định là thế mạnh, có ưu thế cạnh tranh và xuất khẩu gồm: lúa, khóm, tiêu, chuối, tôm càng xanh, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển, cá đồng, sò huyết, sò lông..., yêu cầu các sở ngành liên quan, UBND các huyện có kế hoạch đầu tư, phát triển những sản phẩm nông nghiệp chủ lực; tạo điều kiện thuận lợi để người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm trên, góp phần quảng bá sản phẩm chủ lực của tỉnh ra thế giới...

Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm của cơ quan hành chính phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất an toàn; xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn, sạch và chất lượng; tăng cường công tác thông tin, quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ lực của tỉnh nhằm phát triển thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ hàng hóa. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và kêu gọi đầu tư,...

Ngoài việc ban hành những chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, Kiên Giang còn đồng hành cùng doanh nghiệp, xây dựng các kế hoạch xúc tiến thương mại và du lịch. Theo đó, năm 2019 tỉnh sẽ tiến hành 30 hoạt động xúc tiến; trong đó có 10

hoạt động trên địa bàn tỉnh, 9 hoạt động xúc tiến ngoài tỉnh, 3 hoạt động xúc tiến ở nước ngoài, 5 hoạt động liên quan đến xúc tiến và 3 hoạt động tuyên truyền, quảng bá.

❖ **Bình Dương: Phát huy các sáng kiến tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển**

Để tiếp tục đồng hành, hỗ trợ tối đa doanh nghiệp phát triển sản xuất và mở rộng đầu tư trên địa bàn tỉnh, Bình Dương đã thực hiện nhiều giải pháp, sáng kiến tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với ngành hải quan: Cục Hải quan Bình Dương đã trao Sổ tay hướng dẫn doanh nghiệp ban hành năm 2019 với 5 ngôn ngữ Việt, Anh, Nhật, Trung, Hàn và cung cấp miễn phí cho các doanh nghiệp. Qua sổ tay này, Cục Hải quan Bình Dương đã tổng hợp, chuẩn hóa, công khai minh bạch các chính sách, quy định pháp luật, giúp doanh nghiệp thuận lợi trong tra cứu và thực hiện các thủ tục hành chính, hạn chế các sai sót của doanh nghiệp, phòng chống các biểu hiện tiêu cực của công chức hải quan. Sổ tay hướng dẫn doanh nghiệp được phát hành lần đầu tiên vào năm 2014 và đến nay đã qua 3 lần sửa đổi bổ sung để kịp thời hướng dẫn các quy định mới của ngành.

Ngoài ra, hải quan Bình Dương tiếp tục khai thác và sử dụng có hiệu quả Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS; Cơ chế một cửa quốc gia và các chương trình ứng dụng trong hoạt động quản lý nhà nước về hải quan; tiếp tục triển khai mô hình kiểm tra hàng hóa tập trung có trang bị máy soi container nhằm giảm thời gian kiểm tra thực tế hàng cho doanh nghiệp, đảm bảo tính hiệu quả của thông quan nhanh, giảm thời gian, chi phí và đảm bảo an toàn cho hàng hóa của doanh nghiệp. Thời gian soi chiếu trung bình từ 3-5 phút/container, nếu tính cả thời gian nhập máy vào hệ thống thì tại khâu kiểm tra thực tế hàng hoá qua máy soi khoảng 10-15 phút/tờ khai.

Tình hình xuất nhập khẩu tại Bình Dương có sự gia tăng rõ rệt. Trong năm 2018, số lượng doanh nghiệp đến làm thủ tục tại Cục Hải quan Bình Dương không ngừng tăng lên, đạt 6.061 doanh nghiệp, tăng 6,43% so với cùng kỳ năm 2017. Số lượng tờ khai đạt trên 1,5 triệu tờ, tăng 12,79%; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 45,38 tỷ USD, tăng 8,7%, so cùng kỳ năm trước. Mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, nguyên phụ liệu may mặc, hóa chất, sản phẩm gỗ, sản phẩm may mặc, sắt thép và sản phẩm điện tử...

Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2018, năm 2019 Cục Hải quan tỉnh Bình Dương tiếp tục đề ra và quyết tâm đồng hành, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp phát triển: Tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu nghiệp vụ và quản lý, tiếp tục áp dụng hiệu quả Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS phối kết hợp

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

với các chương trình vệ tinh kết nối với Hệ thống VNACCS/VICS hỗ trợ cho các hoạt động nghiệp vụ theo phương thức hiện đại và tập trung; Tiếp tục triển khai đầy đủ, hiệu quả các tiện ích của Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; Đẩy mạnh triển khai thủ tục hành chính công trực tuyến, hệ thống quản lý hải quan tự động (VASSCM) và các phần mềm quản lý hàng gia công, sản xuất xuất khẩu... theo Kế hoạch của Tổng cục Hải quan; Chủ động đề xuất Tổng cục Hải quan ứng dụng các nội dung, chương trình, biện pháp nghiệp vụ nhằm tiếp tục rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí cho doanh nghiệp; Phân đấu vượt mức ASEAN-4 về thời gian thông quan hàng hóa. Trong đó, thời gian thông quan trung bình đối với hàng xuất khẩu là 36 giờ và đối với hàng nhập khẩu là 41 giờ.

- Đối với công tác cải cách thủ tục hành chính: năm 2018, nhờ áp dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, thời gian xử lý hồ sơ trung bình chỉ còn 1,64 ngày, ít hơn so với quy định và rút ngắn đáng kể so với năm 2015 (4,24 ngày) và năm 2016 (2,89 ngày). Điều này đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp gia nhập thị trường, tiến hành sản xuất kinh doanh.

Ngoài việc đã liên thông với cơ quan thuế, Bình Dương cũng đang nghiên cứu để kết nối thủ tục đăng ký doanh nghiệp với thủ tục mở tài khoản ngân hàng, quản lý bảo hiểm xã hội... để tạo tiện lợi, giảm bớt thời gian đi lại cho doanh nghiệp.

Và với mục tiêu tới năm 2020 phát triển đến 50.000 doanh nghiệp, Bình Dương vẫn tiếp tục thực hiện giảm thủ tục hành chính, tìm kiếm những giải pháp tạo sự phát triển thuận lợi cho doanh nghiệp của tỉnh.

THÔNG TIN CHUYÊN SÂU

1. Thuận lợi hóa thương mại để phát triển thị trường cho sản phẩm sữa Việt Nam

Nhằm phát triển ngành sữa nói chung và thúc đẩy xuất khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa của Việt Nam, chính phủ và các Bộ, ngành đã ban hành các chính sách và thực hiện các hoạt động tạo thuận lợi cho việc sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, mở rộng xuất khẩu sang các thị trường trên thế giới.

Kể từ 14/01/2019, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã chính thức đi vào thực thi đem đến những cơ hội phát triển mới cho các doanh nghiệp Việt Nam, giúp tăng cường mối liên kết cùng có lợi giữa các thành viên, thúc đẩy thương mại, đầu tư và tăng trưởng kinh tế trong khu vực châu Á

– Thái Bình Dương. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi còn có những khó khăn, áp lực gia tăng cạnh tranh với nhiều ngành hàng, trong đó đáng kể là mặt hàng sữa của Việt Nam.

❖ **Áp lực cạnh tranh cao, đòi hỏi những nỗ lực và sáng kiến mới trong thuận lợi hóa thương mại**

Người tiêu dùng đang ngày càng quan tâm hơn tới sức khỏe, nâng cao nhận thức về các sản phẩm dinh dưỡng. Điều này dẫn tới nhu cầu sử dụng các sản phẩm sữa chua, sữa nước cao cấp (organic, sữa A2) và các loại sữa thay thế từ thực vật (sữa óc chó, sữa đậu nành, sữa macca) ngày càng gia tăng. Ngược lại, nhu cầu tiêu thụ sữa hoàn nguyên lại giảm. Đây cũng là xu hướng tiêu dùng hiện tại ở các nước phát triển như Mỹ, Liên minh châu Âu (EU).

Trong khi đó, nhập khẩu sữa từ các thị trường nước ngoài ngày một tăng. Theo số liệu hải quan, kim ngạch nhập khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa vào Việt Nam 4 tháng đầu năm 2019 đạt hơn 347,7 triệu USD, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đặc biệt, khi Hiệp định CPTPP bắt đầu có hiệu lực, thuế nhập khẩu sản phẩm sữa từ New Zealand, Singapore, Nhật Bản sẽ cắt giảm xuống còn 0% khiến các dòng sản phẩm này tăng khả năng cạnh tranh về giá đối với các sản phẩm sữa của Việt Nam. Trong số 10 nước tham gia CPTPP cùng với Việt Nam, đã có đến 5 nước xuất khẩu sữa sang thị trường Việt với trị giá xuất khẩu lớn như New Zealand, Singapore, Australia, tiếp đến là Malayxia và Nhật Bản.

Có thể thấy, ngay sau khi CPTPP có hiệu lực, trị giá xuất khẩu sữa sang Việt Nam của 4 nước thành viên là New Zealand, Australia, Nhật Bản và Malayxia tăng mạnh. Cụ thể, kim ngạch nhập khẩu sữa 4 tháng đầu năm 2019 từ Australia tăng gấp 1,5 lần, tiếp đến là Nhật Bản tăng 59,26%, Malayxia tăng 15,46% và New Zealand tăng 5,46% so với 4 tháng đầu năm 2018.

Bảng 1: Một số thị trường xuất khẩu sữa vào Việt Nam 4 tháng đầu năm 2019

Nguồn cung	4T/2019 (USD)	So cùng kỳ 2018 (%)
New Zealand	115.229.642	5,46
Singapore	40.458.487	-4,32
Mỹ	39.702.264	5,63
Australia	21.880.293	152,00
Thái Lan	21.514.697	5,20
Đức	15.030.894	-28,98
Pháp	14.019.582	30,37
Malayxia	13.246.607	15,46

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

Nhật Bản	12.559.642	59,26
Hà Lan	11.306.515	-5,89
Tây Ban Nha	5.183.543	37,47
Thụy Sĩ	4.530.835	
Hàn Quốc	4.178.157	31,47
Ailen	4.052.013	-29,43
Ba Lan	3.872.330	53,02
Philippin	2.237.582	71,70
Bỉ	1.429.912	97,49
Đan Mạch	503.496	14,34

Nguồn: Thống kê từ số liệu hải quan

Riêng với sữa được nhập khẩu từ New Zealand, chưa cần đến khi CPTPP có hiệu lực, thuế suất nhập khẩu sữa từ thị trường này đã được giảm về 0% từ năm 2018, theo cam kết của Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA). Đây chính là nguồn cung có trị giá xuất khẩu sữa lớn nhất của Việt Nam, chiếm đến 33,14% tổng kim ngạch nhập khẩu sữa 4 tháng 2019 của Việt Nam.

Nếu theo lộ trình cam kết của CPTPP thì trong vòng 7 năm tới, các loại sữa được nhập khẩu từ New Zealand, Singapore, Nhật Bản... sẽ còn rẻ hơn nữa, áp lực cạnh tranh trên thị trường nội địa của các doanh nghiệp sữa Việt Nam càng tăng.

Như vậy, ngoài việc thay đổi cơ cấu cũng như công nghệ áp dụng trong sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, giá thành thấp, thích hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng để chiếm lĩnh thị trường nội địa thì mở rộng thị trường xuất khẩu trên thế giới chính là một trong những giải pháp thúc đẩy phát triển ngành sữa Việt Nam.

❖ Tạo thuận lợi xuất khẩu sữa và các sản phẩm sữa Việt Nam

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tổng lượng sữa và sản phẩm sữa xuất khẩu năm 2018 của Việt Nam đạt gần 12.000 tấn (tăng gần 90% so với năm 2017). Nếu như năm 2015 cả nước mới chỉ có 3 doanh nghiệp đăng ký kiểm dịch xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa từ Việt Nam sang 10 nước, thì đến nay sữa Việt Nam đã xuất sang gần 50 quốc gia trên thế giới. Hiện, Việt Nam có khoảng 60 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sữa với hơn 300 nhãn hàng.

Để hỗ trợ, tạo thuận lợi hơn cho việc xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa, các Bộ, ngành, cơ quan quản lý nhà nước đã chủ động đẩy mạnh các hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp thông qua việc hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất sữa về các quy định của Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) trong thương mại quốc tế, các yêu cầu

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

của nước nhập khẩu, kiểm tra, giám sát nguyên liệu đầu vào, đàm phán với các nước nhập khẩu nhằm tháo gỡ các rào cản và vướng mắc trong xuất khẩu. Bên cạnh việc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, giữ vững được các thị trường xuất khẩu, việc tìm kiếm và đàm phán mở rộng thị trường xuất khẩu cũng rất được chú trọng.

Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã đàm phán với Ấn Độ để thống nhất các yêu cầu kiểm dịch xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa sang Ấn Độ; hoàn thiện và nộp hồ sơ đăng ký xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa sang Malaysia cho 2 doanh nghiệp Vinamilk và Bel Việt Nam; phối hợp với các đơn vị có liên quan đón đoàn thanh tra Trung Quốc sang đánh giá về năng lực quản lý, giám sát, chẩn đoán dịch bệnh, an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật, kiểm tra thực tế các trang trại bò sữa, điều kiện sản xuất của một số doanh nghiệp sản xuất sữa của Việt Nam...

Đặc biệt, xác định Trung Quốc là một thị trường rất tiềm năng cho nông sản Việt Nam nói chung và sản phẩm sữa nói riêng, ngày 26/4/2019, trong dịp Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam tham dự diễn đàn cấp cao hợp tác "Vành đai và con đường" tại thủ đô Bắc Kinh, Trung Quốc, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Nghị định thư về yêu cầu thú y và sức khỏe cộng đồng đối với các sản phẩm sữa của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc. Đây chính là cơ sở pháp lý quan trọng tạo điều kiện cho sữa của Việt Nam xuất khẩu chính ngạch sang thị trường giàu tiềm năng với 1,4 tỷ người tiêu dùng này, và cũng là sự cam kết giữa hai Chính phủ và các cơ quan chức năng hai nước về việc trao đổi, lưu thông của các sản phẩm sữa và sữa để thúc đẩy phát triển chăn nuôi bò sữa và các nguyên liệu phục vụ chế biến sữa và các sản phẩm sữa của Việt Nam trong thời gian tới, mở ra cơ hội không chỉ với người dân và doanh nghiệp chăn nuôi bò và chế biến các sản phẩm từ sữa mà còn tăng cơ hội phát triển cho các ngành sản xuất nguyên phụ liệu sữa như trồng điều, hạt macca, xoài, dâu...

Sau khi Nghị định thư được ký kết, dự kiến Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc sẽ chủ trì Ngày hội sữa Việt Nam tại Trung Quốc vào khoảng tháng 5 - 6/2019 để quảng bá sản phẩm sữa của Việt Nam.

Ngoài ra, các mặt hàng sữa Việt Nam còn có thuận lợi khi thực hiện xuất khẩu sang Thái Lan, thị trường có mức tiêu thụ sữa bình quân đầu người cao hơn 2,23 lần so với Việt Nam, bởi việc nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa vào thị trường Thái Lan không bị áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu và được hưởng thuế suất nhập khẩu 0% theo lộ trình giảm thuế của nước này trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA).

❖ Một số quy định của các nước đối với việc kiểm dịch sữa, sản phẩm sữa nhập khẩu từ Việt Nam

Các nước khi nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa (bao gồm: Sữa tươi tiệt trùng, sữa bột hộp, sữa đặc có đường, sữa chua, sữa bột nguyên liệu, bơ, pho mai,...) đều tuân thủ quy định chung về yêu cầu kiểm dịch theo quy định của Tổ chức Thú y thế giới (OIE) và CODEX về chứng nhận kiểm dịch sữa và sản phẩm sữa trong thương mại quốc tế với mục đích rất quan trọng là để kiểm soát đối với các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ cao lây truyền thông qua lưu hành sản phẩm sữa (như bệnh Lở mồm long móng, bệnh lao bò, sảy thai truyền nhiễm,...), đồng thời phải bảo đảm về vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

Do vậy, các nước đều yêu cầu cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu phải tổ chức kiểm tra theo chuỗi và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch cho các lô hàng sữa và sản phẩm sữa để xuất khẩu, cụ thể trong Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu các lô hàng sản phẩm sữa từ Việt Nam sang các nước phải có các nội dung chính sau:

- Sữa và sản phẩm sữa phải có nguồn gốc từ động vật xuất phát từ trang trại nuôi bò, vùng hoặc quốc gia không có các dịch bệnh động vật truyền nhiễm nguy hiểm như lao, sảy thai truyền nhiễm, xoắn khuẩn,...;

- Sữa và sản phẩm sữa phải được sản xuất trong cơ sở sản xuất bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y và được cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu kiểm tra, chứng nhận bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

- Sữa và sản phẩm sữa phải được kiểm tra trước khi xuất khẩu và bảo đảm không có các vi sinh vật gây hại, các chất tồn dư độc hại (kim loại nặng, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, chất phóng xạ,...);

- Sữa và sản phẩm sữa phải được đóng gói trong bao bì mới và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y;

- Sữa và sản phẩm sữa phải bảo đảm an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng;

- Sữa và sản phẩm sữa phải được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dùng và bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y khi vận chuyển từ cơ sở sản xuất đến cửa khẩu để xuất khẩu.

Riêng xuất khẩu sang thị trường Thái Lan, trong trường hợp xuất khẩu sữa tươi chưa qua chế biến, phía Thái Lan yêu cầu phải có công văn (cung cấp thông tin về doanh nghiệp Việt Nam muốn xuất khẩu các sản phẩm sữa và thông tin về các sản phẩm sữa cụ thể sẽ xuất khẩu sang Thái Lan) của Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn gửi Cục Phát triển chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

Thái Lan. Sau khi nhận được văn bản của Cục Chăn nuôi Việt Nam, Cục Phát triển chăn nuôi Thái Lan sẽ cử đoàn sang Việt Nam kiểm tra quy trình sản xuất của doanh nghiệp Việt Nam.

- Doanh nghiệp xuất khẩu cần cung cấp các thông tin cho phía nhập khẩu làm thủ tục nhập khẩu. Đối với trường hợp xuất khẩu sữa tươi chưa qua chế biến, doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải làm việc với đoàn Cục Chăn nuôi Thái Lan sang kiểm tra quy trình sản xuất, các yêu cầu về vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS).

- Đối với nhà nhập khẩu tại Thái Lan (bao gồm cả chi nhánh doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu Việt Nam tại Thái Lan khi nhập khẩu sữa từ Việt Nam), trước khi nhập khẩu và lưu hành trên thị trường, doanh nghiệp tại Thái Lan đăng ký sản phẩm sữa muốn nhập khẩu từ Việt Nam tại Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Thái Lan (FDA) thuộc Bộ Y tế cộng đồng nước này.

- Doanh nghiệp nhập khẩu làm thủ tục để Ủy ban Quản lý sữa và các sản phẩm sữa Thái Lan thông qua. Doanh nghiệp nhập khẩu đăng ký để được cấp phép nhập khẩu sữa với Cục Ngoại thương, Bộ Thương mại Thái Lan.

- Thủ tục nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa vào Thái Lan gồm: Thủ tục đăng ký xin giấy phép nhập khẩu tại Cục Ngoại thương. Trong đó, điều kiện để được đăng ký là pháp nhân sản xuất, nhập khẩu, chế biến, bán, đóng gói hoặc tự quản lý sản phẩm sữa nguyên liệu được Ủy ban Quản lý Sữa và các sản phẩm Sữa cấp phép; Không thuộc đối tượng pháp nhân đã bị hủy đăng ký nhập khẩu sữa nguyên liệu trong thời gian 2 năm kể từ ngày bị hủy; Không thuộc đối tượng pháp nhân mà nhân sự quản lý hoặc điều hành thuộc pháp nhân đã bị hủy đăng ký nhập khẩu sữa nguyên liệu trong thời gian 2 năm kể từ ngày bị hủy; Không phải đối tượng pháp nhân đang bị treo hoặc vẫn đang bị hủy đăng ký làm nhà nhập khẩu sữa nguyên liệu.

- Thủ tục tại Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Thái Lan gồm: Giấy phép nhập khẩu thực phẩm (trong đó có sữa và sản phẩm sữa); Đăng ký thực phẩm; Dán nhãn thực phẩm và dán nhãn dinh dưỡng; Hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP).

- Thủ tục thông quan tại cửa khẩu gồm: hóa đơn bán hàng cho doanh nghiệp hoặc đơn vị ủy nhiệm của Thái Lan; Vận đơn hay chứng từ vận tải; Chứng nhận xuất xứ (mẫu D) hoặc Invoice Declaration (mã ưu tiên SC2); Chứng nhận chất lượng (Certificate of Assurance); Giấy phép nhập khẩu (Tor 2) do Cục Ngoại thương, Bộ Thương mại Thái Lan cấp để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi theo Hiệp định ATIGA; Giấy chứng nhận của FDA (Sor Bor 5).

2. Quy định xuất khẩu nông sản và thực phẩm vào Nhật Bản

Trong 4 tháng đầu năm 2019, nhiều lô hàng nông sản và thực phẩm của Việt Nam xuất sang Nhật Bản bị Nhật Bản áp lệnh kiểm tra do vi phạm Luật Vệ sinh thực phẩm. Cơ quan chức năng của Nhật đã kiểm tra và phát hiện nhiều lô nông sản của Việt Nam xuất khẩu nhiễm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt giới hạn cho phép. Theo đó, Nhật Bản dự kiến áp lệnh kiểm tra 100% đối với sản phẩm của các công ty vi phạm và tăng cường kiểm tra chung với các mặt hàng cùng chủng loại từ Việt Nam.

Cụ thể, rau ngò tàu (mùi tàu) tươi sẽ bị kiểm tra 100% các chỉ tiêu Chlorpyrifos, Cypermethrin, Profenofos, Hexaconazole; các mặt hàng rau ngót tươi, trà chưa lên men, nấm Fukurotake, quả thanh long tươi bị kiểm tra 30% một số chỉ tiêu thuốc bảo vệ thực vật.

Việt Nam đã tham gia ký kết 2 hiệp định thương mại (FTA) lớn gồm: Hiệp định đối tác kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản (VJEPA – có hiệu lực 1/10/2009) và Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP – có hiệu lực 10/2010). Các hiệp định này đã tạo ra nhiều cơ hội cũng như không ít thách thức cho doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp có quy mô lớn trong ngành lương thực thực phẩm đã có sự chuẩn bị về đầu tư để cải thiện năng lực kinh doanh, giám sát tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, khai thác tốt hơn tiềm năng từ thị trường Nhật Bản và tận dụng những thuận lợi mà các hiệp định mang lại. Nhờ đó, kim ngạch thương mại 2 chiều Việt Nam – Nhật Bản tăng đều qua các năm.

Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong ngành lương thực thực phẩm chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hạn chế về quy mô vốn và công nghệ, chưa nắm được đầy đủ thông tin về các điều kiện, quy định khi tham gia xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản hay nội dung cụ thể của riêng từng ngành nghề kinh doanh.

❖ Quy định kiểm tra chất lượng sản phẩm

Để đưa hàng hóa thực phẩm, nông sản xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản, các doanh nghiệp cần chú ý các thủ tục về hải quan, kiểm tra chất lượng sản phẩm, các tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhật Bản..., đặc biệt là giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng xuất khẩu, bởi CFS được xem là một công cụ để nước nhập khẩu sản phẩm kiểm tra chất lượng sản phẩm nhập khẩu vào nước họ, cũng như gia tăng độ tin cậy. Khi một sản phẩm có CFS nghĩa là sản phẩm đó đã thông qua những phương pháp đánh giá kiểm tra của cơ quan chuyên môn tại nước xuất khẩu; và sản phẩm đó cũng đã được cho phép sản xuất buôn bán và tiêu dùng tại nước sở tại. Doanh nghiệp xuất khẩu đã xin được giấy chứng nhận CFS sẽ dễ dàng hơn trong việc lưu hành sản phẩm của mình tại nước bạn, không bị mất nhiều thời gian và chi phí khác. CSF cũng là

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

chứng nhận bắt buộc phải có để làm hồ sơ xin cấp phép công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đối với một số thực phẩm nhập khẩu đặc biệt như mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phụ gia, hương liệu thực phẩm.

Về quy định kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa thực phẩm, nông sản của Nhật Bản, có 3 loại kiểm tra chất lượng cần phải thực hiện. Đó là:

- Kiểm tra bắt buộc: Dựa trên luật an toàn vệ sinh thực phẩm, những thực phẩm nào có khả năng có vấn đề cao theo yêu cầu của Bộ Y tế Lao động, Phúc lợi Nhật Bản sẽ thực hiện kiểm tra bắt buộc khi nhập khẩu.

- Kiểm tra hướng dẫn: Cơ sở kiểm dịch sẽ xác nhận đơn vị nhập khẩu có thực hiện tốt trách nhiệm về an toàn vệ sinh thực phẩm không.

- Kiểm tra giám sát: Tại cơ sở kiểm dịch, hàng hóa không là đối tượng của kiểm tra bắt buộc thì với mục đích để nắm rõ tình trạng an toàn vệ sinh thực phẩm, căn cứ vào kế hoạch hàng năm mà tiến hành giám sát liên tục, thực hiện xác nhận tính an toàn thực phẩm hiệu quả cao. Trường hợp có vi phạm về thuốc trừ sâu hay những vi phạm khác, thì sẽ tăng cường tần suất kiểm tra giám sát, nhằm xem xét có cần thiết cho vào loại kiểm tra bắt buộc hay không.

Kiểm tra bắt buộc và hướng dẫn sẽ do đơn vị kiểm định có đăng ký với Bộ Y tế Lao động, Phúc lợi Nhật Bản thực hiện. Kiểm tra giám sát do Phòng Kiểm dịch thực hiện nhưng có một phần được ủy thác cho đơn vị ngoài. Hàng hóa được xác định là không cần kiểm tra, hay kết quả kiểm tra là không có vấn đề sẽ được cấp chứng nhận hoàn tất kê khai nhập khẩu, có thể tiến hành thủ tục hải quan. Kết quả kiểm tra là vi phạm thì hàng không được bán tại Nhật, phải xử lý hoặc trả về.

Các quy định về chỉ tiêu, chất lượng hàng hóa thực phẩm, nông sản khi đưa vào thị trường Nhật Bản tham khảo tại địa chỉ website:

<https://www.jetro.go.jp/en/reports/regulations/>

Thị trường Nhật Bản luôn có nhu cầu cao về trái cây tươi, rau xanh và nhiều mặt hàng nông sản khác, đây là cơ hội để hàng nông sản Việt Nam mở rộng tại thị trường Nhật Bản. Để đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này sang Nhật Bản, doanh nghiệp cũng cần tìm hiểu các quy định về luật bảo vệ thực vật và luật an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Với mặt hàng cà phê: cà phê xanh sấy khô chưa qua xử lý nhiệt được coi là sản phẩm tươi, buộc phải tuân thủ quy trình kiểm dịch thực vật, nên phải chịu các thủ tục kiểm dịch được tiến hành tại sân bay và cảng biển dưới sự kiểm soát của cơ quan kiểm dịch địa phương. Nhưng cà phê xay và các sản phẩm chế biến chỉ cần tuân theo

quy trình kiểm dịch an toàn vệ sinh thực phẩm. Vì vậy, cà phê Việt Nam khi xuất khẩu sang Nhật cần kiểm tra loại và thành phần các chất phụ gia, dư lượng thuốc trừ sâu, độc tố nấm (mycotoxin) và nhiều chất khác. Các sản phẩm cà phê phải ghi rõ nguồn gốc xuất xứ hàng hóa và thành phần sản phẩm.

- Với mặt hàng rau quả: rau quả đông lạnh chỉ cần có chứng nhận vệ sinh kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền phía Việt Nam và chịu sự kiểm tra lấy mẫu ngẫu nhiên của cơ quan kiểm dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm của Nhật Bản nên việc nhập khẩu không gặp khó khăn. Nhưng có những quy định rất chặt chẽ đối với mặt hàng hoa quả tươi nhập khẩu vào thị trường này vì lo ngại sự lây lan dịch bệnh và sâu hại từ nước xuất khẩu. Hiện mới chỉ có thanh long (ruột đỏ và ruột trắng), xoài và chuối của Việt Nam có mặt tại thị trường Nhật Bản do đã đáp ứng được các yêu cầu trong Luật Kiểm dịch thực vật của Nhật Bản.

❖ **Tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản**

Khi xuất khẩu hàng rau quả nông sản sang Nhật Bản, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải biết đến tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản (JAS - Japanese Agricultural Standards). Các tiêu chuẩn này do Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF) xây dựng. Người Nhật có sự tin nhiệm rất cao với sản phẩm mang nhãn JAS. Hệ thống này áp dụng cho cả sản phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài.

Mục tiêu của JAS dựa trên Luật Tiêu chuẩn hoá và Ghi nhãn riêng cho sản phẩm nông lâm nghiệp, gọi là Luật JAS. Tham khảo tại:

http://www.maff.go.jp/soshiki/syokuhin/hinshitu/organic/eng_yuki_top.htm

Luật này có mục tiêu là xây dựng các tiêu chuẩn thích hợp cho các sản phẩm nông lâm nghiệp và thông qua việc phổ biến các tiêu chuẩn này sẽ giúp cải tiến chất lượng của nông lâm sản, hợp lý hoá việc sản xuất, thúc đẩy việc thương mại sòng phẳng và đơn giản, hợp lý hoá việc sử dụng và tiêu dùng, đồng thời đảm bảo ghi nhãn riêng cho nông lâm sản để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lựa chọn của người tiêu dùng và thúc đẩy phúc lợi công cộng.

Hệ thống JAS gồm hai phần: "Hệ thống tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản" (Japanese Agricultural Standards) và "Hệ thống Tiêu chuẩn Ghi nhãn Chất lượng" (Quality Labeling Standards Systems). "Hệ thống tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản" được thiết kế nhằm cho phép các sản phẩm đã qua kiểm tra dựa trên các tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật bản được mang biểu tượng JAS. "Hệ thống Tiêu chuẩn Ghi nhãn Chất lượng" được thiết kế nhằm yêu cầu các nhà sản xuất và đơn vị bán hàng phải dán nhãn sản phẩm của họ phù hợp với các tiêu chuẩn về Ghi nhãn Chất lượng. Hệ thống

JAS quy định cho gần 100 loại sản phẩm với khoảng 350 tiêu chuẩn cho các mặt hàng thực phẩm và vật liệu gỗ xây dựng. Các tiêu chuẩn về Ghi nhãn chất lượng được áp dụng cho tất cả các loại thực phẩm. Theo các tiêu chuẩn này, đối với thực phẩm tươi phải có tên và nơi xuất xứ, với thực phẩm chế biến phải có tên, thành phần, hạn sử dụng v.v...Ngoài ra, hệ thống kiểm tra, chứng nhận và ghi nhãn cho sản phẩm thực phẩm hữu cơ cũng được xây dựng và tạo nên một nhãn riêng cho sản phẩm thực phẩm "hữu cơ".

JAS là các tiêu chí về chất lượng nông lâm sản như phân loại, thành phần cấu tạo, đặc tính hoặc về phương pháp sản xuất. Việc xây dựng, sửa đổi hoặc huỷ bỏ tiêu chuẩn JAS do sự quyết định của Ban Nghiên cứu về Tiêu chuẩn Lâm và Nông nghiệp gồm các chuyên gia là các đại diện hoặc nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tiêu dùng, sản xuất và phân phối. Các tiêu chuẩn quốc tế cũng được đưa ra cân nhắc. Tiêu chuẩn JAS phải được soát xét định kỳ 5 năm.

Về hệ thống chứng nhận, có hai phương pháp để được mang nhãn JAS: nhà sản xuất chọn một tổ chức phân loại đã được đăng ký (registered grading organization) hoặc họ tự tiến hành việc phân loại. Để có thể tự tiến hành việc phân loại và dán nhãn JAS, nhà sản xuất phải có được chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã được đăng ký.

Theo sửa đổi luật tháng 7/1999, các tổ chức hải ngoại cũng có thể cung cấp dịch vụ phân loại và chứng nhận nếu tổ chức đó thoả mãn được cùng các điều kiện như các tổ chức trong nước (đối với nông sản và lâm sản, chỉ áp dụng cho những nước có hệ thống phân loại tương đương JAS mà danh sách được nêu trong Quy định của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật). Công ty nước ngoài có thể đăng ký với Bộ này để được đăng ký là tổ chức chứng nhận và phân loại ngoài nước. Việc này đã tạo nên cơ sở pháp lý cho các sản phẩm sản xuất ở hải ngoại được phân loại và cấp nhãn JAS bởi chính các công ty phân loại ở nước sở tại, đồng thời, các nhà sản xuất được công nhận bởi các tổ chức chứng nhận hải ngoại đã được đăng ký cũng có thể tự tiến hành các thủ tục và dán nhãn JAS.

❖ **Thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản**

Ngoài một số quy định kiểm tra và tiêu chuẩn hàng hóa, doanh nghiệp còn cần nắm được quy định về thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản.

Doanh nghiệp phải khai báo thông tin với Tổng cục Hải quan và xin giấy phép nhập khẩu sau khi tiến hành các thủ tục kiểm hóa hàng hóa. Hiện nay hầu hết thủ tục hải quan của Nhật được thực hiện qua máy tính.

Tờ khai nhập khẩu phải được làm sau khi hàng hóa được chuyển vào khu vực Hozei hoặc các khu vực chưa chính thức khác. Trong một số trường hợp đặc biệt, tờ

khai có thể phải làm trong khi hàng hóa đang ở trên hoặc trước khi vào khu Hozel. Về nguyên tắc, tờ khai nhập khẩu phải được khai bởi người nhập khẩu, xong việc này thường được các đại lý hoặc người được ủy nhiệm thực hiện.

Chi tiết các hướng dẫn thực hiện thủ tục nhập khẩu, Hải quan Nhật Bản tham khảo tại: <http://www.customs.go.jp/english/procedures/index.htm>

Nhà nhập khẩu phải khai và nộp cho hải quan kèm theo các tài liệu sau theo mẫu C5020 của Hải quan:

(http://www.customs.go.jp/kaisei/youshiki/form_C/C5020.pdf)

- Hoá đơn thương mại;
- Vận đơn;
- Giấy chứng nhận xuất xứ - CO (Doanh nghiệp Việt Nam làm mẫu AJ để được hưởng ưu đãi);
- Phiếu đóng gói, biên lai cước vận chuyển, giấy chứng nhận bảo hiểm,...và những giấy tờ liên quan cần thiết;
- Giấy phép, giấy chứng nhận,... mà các quy định, luật khác ngoài luật hải quan yêu cầu (áp dụng theo các quy định, luật liên quan);
- Giấy đề nghị miễn giảm các khoản phí, thuế trong đó mô tả chi tiết các thông tin cần thiết, các quy định, luật liên quan;
- Biên lai thuế hải quan (nếu hàng hóa thuộc diện chịu thuế).

Hóa đơn thương mại

Phải có tối thiểu 3 bản sao hóa đơn thương mại. Các hóa đơn cần phải được nhà cung cấp ký tên và bao gồm các chi tiết sau:

- Số nhãn và số thứ tự của bao gói;
- Thông tin mô tả về hàng hóa;
- Phí bảo hiểm và phí vận chuyển;
- Địa điểm và thời gian lập hóa đơn;
- Nơi đến và người nhận;
- Số hiệu phương tiện vận chuyển;
- Số seri giấy phép nhập khẩu;
- Các điều kiện của hợp đồng liên quan đến việc xác định giá trị hàng hóa.

Vận đơn

Đối với hàng hóa được gửi bằng đường biển, yêu cầu phải có tối thiểu 03 bản vận đơn gốc đã ký và 02 bản sao.

Đối với hàng hóa được gửi bằng đường hàng không, yêu cầu phải có 01 bản vận đơn gốc và 09 bản sao nhưng không có các điều lệ chặt chẽ áp dụng. Nếu số lượng vận chuyển thực tế vượt quá số lượng ghi trong đơn hàng, cần phải nêu rõ tên

và địa chỉ của người được thông báo. Thông tin trong giấy ủy thác của người nhập khẩu thường chỉ mang tính danh nghĩa nhưng phải gồm có tên phương tiện vận chuyển, người nhận trung gian và người nhận cuối cùng, nhãn mác và số seri của thùng hàng, thông tin mô tả hàng hóa gồm toàn bộ khối lượng và kích thước theo hệ mét.

Giấy chứng nhận xuất xứ

Hiện nay, Nhật Bản và Việt Nam đã ký Hiệp định đối tác kinh tế, theo đó gần 80% hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam sẽ được hưởng thuế ưu đãi. Bộ Công Thương đã ban hành mẫu C/O AJ. Để hưởng ưu đãi, các doanh nghiệp có thể làm mẫu C/O trên khi xuất hàng hóa sang Nhật Bản.

Phiếu đóng gói

Yêu cầu 2 bản sao, chỉ rõ các thông số của hàng hóa, gồm cả thông tin về trọng lượng và kích thước của mỗi kiện hàng.

Giấy chứng nhận bảo hiểm

Giấy chứng nhận bảo hiểm có thể được yêu cầu nếu giấy kiểm tra hải quan không có hóa đơn được đề nghị (để xác định giá trị thuế/chất lượng). Trong trường hợp như vậy, các tài liệu khác ghi giá trị vận chuyển, mức phí bảo hiểm và bảng giá... có thể được yêu cầu.

Hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Nhật Bản được kiểm soát bằng một hệ thống luật pháp tương đối chặt chẽ vì các lý do bảo vệ quyền lợi an ninh quốc gia, lợi ích kinh tế hoặc bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp Việt Nam khi thâm nhập thị trường Nhật Bản cần tìm hiểu kỹ và tuân thủ nghiêm túc những quy định và luật về nhập khẩu của Nhật Bản.

Những mặt hàng yêu cầu giấy phép nhập khẩu phải tuân thủ các quy trình, quy định, luật của hải quan. Với một số mặt hàng nhập khẩu có hạn ngạch, nhà nhập khẩu phải xin hạn ngạch tại Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (Ministry of Economy, Trade and Industry - METI). Thủ tục nhập khẩu những mặt hàng thuộc loại nguyên liệu, chế biến thô hoặc bán thành phẩm thường thông thoáng và dễ dàng hơn.

Hàng hóa nhập khẩu vào Nhật Bản còn bị chi phối bởi hàng loạt các luật lệ và quy định về kiểm dịch, trách nhiệm của nhà sản xuất. Người kinh doanh sản phẩm phải bồi thường đối với các thiệt hại do bán cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng không đảm bảo. Sau đây là một số quy định luật pháp thương mại tiêu biểu và có ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ hàng hóa:

Luật vệ sinh thực phẩm

Hiện nay, Nhật Bản thường xuyên điều chỉnh Luật vệ sinh thực phẩm theo chiều hướng thắt chặt hơn, do người Nhật ngày càng có xu hướng yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm do lo ngại nguy cơ ngộ độc từ thực phẩm kém chất lượng. Luật vệ sinh thực phẩm quy định cho tất cả các thực phẩm và đồ uống tiêu dùng trên thị trường Nhật Bản. Hàng hóa được phân chia thành nhiều nhóm: các gia vị thực phẩm, các máy móc dùng để chế biến và bảo quản thực phẩm, các dụng cụ đựng và bao bì cho các gia vị cũng như cho thực phẩm, đồ chơi trẻ em và các chất tẩy rửa dùng cho việc làm sạch thực phẩm và đồ ăn. Các loại hàng này khi đưa vào sử dụng phải có giấy phép của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản.

Quy định về nhãn mác sản phẩm

Nghiêm cấm sử dụng rom rạ làm chất liệu đóng gói hàng hóa vì người Nhật cho rằng rom rạ là vật rất dễ là mầm gây bệnh truyền nhiễm, đồng thời đó cũng không phải là vật liệu tốt nhất để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Khi giao hàng nên hỏi rõ người nhập khẩu về cách thức và quy cách đóng gói, bảo quản hàng hóa.

Hàng hóa xuất khẩu vào Nhật Bản được dán nhãn theo thông lệ thương mại, hàng hóa đã được dán mác ở nước xuất xứ rồi vẫn phải dán nhãn mác ghi bằng tiếng Nhật theo quy định của Nhật Bản ở vị trí dễ nhận biết hơn, bao gồm các thông tin:

- Thông tin về thành phần sản phẩm,
- Thông tin an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn được quy định bởi chính phủ,
- Thông tin cảnh báo người tiêu dùng,
- Thông tin hướng dẫn sử dụng,
- Thông tin về xuất xứ, thời hạn sử dụng và các thông tin khác...

Ý KIẾN DOANH NGHIỆP VÀ CHUYÊN GIA

1. Dán nhãn năng lượng cho phụ tùng thay thế

❖ Doanh nghiệp hỏi:

Doanh nghiệp 100% vốn Hàn Quốc, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công hàng vải dệt kim các loại. Doanh nghiệp thường xuyên nhập khẩu các thiết bị phụ tùng thay thế cho các bộ phận hư hỏng trong các máy móc đang sử dụng để sản xuất gia công hàng hóa của chúng tôi (chủ yếu là máy dệt, nhuộm ...). Tất cả số lượng thiết bị phụ tùng thay thế của doanh nghiệp đều nhập khẩu với số lượng nhỏ, mục đích thay thế các phụ tùng trong máy móc trong nhà xưởng bị hư hỏng không thể tiếp tục vận hành sản xuất được. Trong đó bao gồm một số trường hợp nhập khẩu các mặt

hàng như bóng đèn compact, bóng đèn huỳnh quang (dùng trong máy kiểm tra màu vải...), mô tơ (các máy dệt, nhuộm... theo quy định phải tiến hành thử nghiệm hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng. Thông tư 36/2016/TT-BCT đã tháo gỡ nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp về việc dán nhãn năng lượng. Vậy với trường hợp của doanh nghiệp khi nhập khẩu phụ tùng thay thế, và nhập khẩu số lượng nhỏ (có mặt hàng chỉ nhập khẩu 1 đơn vị hàng hóa) thì có được miễn trừ việc thử nghiệm hiệu suất năng lượng và dán nhãn năng lượng hay không? (Không phải nhập khẩu phi thương mại)

❖ **Giải đáp**

Bộ Công Thương: Theo quy định tại Mục d, Khoản 2, Điều 1 Thông tư 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Thông tư này không áp dụng đối với các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng: Hàng hóa nhập khẩu phi thương mại: Hành lý cá nhân, hàng hóa ngoại giao; hàng hóa tham gia triển lãm, hội chợ; Quà biếu, tặng; Hàng hóa, vật tư, phụ tùng, linh kiện nhập khẩu đơn chiếc phục vụ mục đích sử dụng, thay thế trong các công trình, dự án đầu tư, phục vụ công việc như hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, biểu diễn nghệ thuật và các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Doanh nghiệp không xác định được hàng hóa nhập khẩu có thuộc diện được miễn áp dụng dán nhãn năng lượng hay không, đề nghị doanh nghiệp gửi hồ sơ hàng hóa bao gồm: thông tin xuất nhập khẩu, thông số kỹ thuật sản phẩm để Bộ Công Thương hướng dẫn và xác nhận theo đúng quy định hiện hành.

2. Thực hiện phương thức tự công bố sản phẩm hợp quy dệt may đối với hàng quần áo nhập khẩu

❖ **Doanh nghiệp hỏi:**

Tại Mục 3.1.1 QCVN: 01/2017/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BCT quy định các hình thức công bố hợp quy:

- Trường hợp tự công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân (bên thứ nhất) theo Phương thức đánh giá phục vụ công bố hợp quy là phương

thức 7 được quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Thông tư số 28) và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (Thông tư số 02).

Theo nội dung trên, nếu doanh nghiệp muốn làm tự công bố (bên thứ nhất) cho lô hàng nhập khẩu (có số vận đơn) thì số mẫu cần phải kiểm định (test) là bao nhiêu mẫu? Nếu được thì có thể lấy mức thấp nhất là 1 mẫu để test và gửi đi công bố Sở Công Thương để khai online được không? Do tính chất hàng hóa là hàng thời trang nên mẫu mã và chủng loại sản phẩm, thành phần nguyên liệu đa dạng.

Ngoài ra, theo cách thức tự công bố (bên thứ nhất) nên doanh nghiệp đang nộp giấy tờ khi khai báo online trên website Sở công thương như sau:

1. Bảng công bố hợp quy theo mẫu Thông tư 21: (công ty ký đóng dấu)
2. Báo cáo tự đánh giá hợp quy theo hướng dẫn của bên tổ chức test mẫu : (công ty ký đóng dấu)
3. Kết quả thử nghiệm: Bên tổ chức test mẫu ký đóng dấu

Do việc tại mục 1 và mục 2 bên công ty ký đóng dấu và chịu trách nhiệm nên trong trường hợp kết quả thử nghiệm tại mục 3 (do bên tổ chức test mẫu ký đóng dấu) chỉ có 1 mẫu thể hiện trên kết quả này. Nhưng bên Sở Công Thương đã duyệt và đăng tải về việc hoàn thành tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm dệt may. Vậy nên, sau này khi cơ quan quản lý thị trường và cơ quan liên ngành thanh kiểm tra thì bên doanh nghiệp có chịu trách nhiệm gì liên quan đến việc test duy nhất 1 mẫu/ lô hàng nhập khẩu nhiều chủng loại mẫu và thành phần nguyên liệu? Kiểm tra liên ngành nếu có sai phạm, trách nhiệm thuộc về bên tổ chức test mẫu ký đóng dấu, hay doanh nghiệp chúng tôi. Và chịu trước pháp luật như thế nào? Nếu sai phạm như vậy, đối với các công bố đã upload lên Sở Công Thương phê duyệt có được thừa nhận hay không? Hay doanh nghiệp phải bổ sung mẫu để test thêm sao cho phù hợp với quy định?

❖ **Giải đáp**

Bộ Công Thương:

1. Về số lượng mẫu thử nghiệm:
 - 1.1. Về mặt kỹ thuật:

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

- Các thuốc nhuộm có màu sắc khác nhau là do các phẩm màu azo khác nhau, nói một cách khác là do các amin thơm tạo ra các thuốc nhuộm là khác nhau (vì vậy đã quy định danh mục của 22 amin thơm);

- Các nguyên liệu khác nhau (vải, sợi) có khả năng hấp thụ màu khác nhau việc hấp thụ này phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu, kiểu dệt, do vậy khi nhuộm công thức nhuộm cũng khác nhau (tỷ lệ thuốc nhuộm, quy trình nhuộm khác nhau);

- Thuốc nhuộm của các hãng hóa chất khác nhau có khả năng hấp phụ trên vật liệu khác nhau.

Để minh chứng điều này, xin lấy ví dụ: cùng là màu đen nhưng có sản phẩm không phai màu ngay lần giặt đầu tiên, nhưng có những sản phẩm sau rất nhiều lần giặt vẫn phai màu, thậm chí có sản phẩm còn thôi màu ngay trên da trong quá trình sử dụng.

1.2. Với các phân tích nêu trên cho thấy:

Kết quả thử nghiệm chỉ đúng đối với mẫu test (màu, loại chất liệu, kiểu dệt); kết quả thử nghiệm đó không thể đúng với tất cả các sản phẩm, thậm chí giữa từng “mẻ” nhuộm.

Về nguyên tắc, ứng với mỗi chất liệu, mỗi màu cần phải lấy 01 mẫu thử nghiệm. Để hạn chế số lượng mẫu thử, đòi hỏi người làm công tác đánh giá, lấy mẫu phải được đào tạo về lấy mẫu và có kiến thức chuyên môn về dệt may vì đây là một vấn đề mang tính chất chuyên môn chuyên sâu. Đối với việc hạn chế lấy mẫu thử, tổ chức đánh giá phải có hồ sơ phân tích về chất liệu, về màu sắc của các tổ chức sản xuất, phân tích thống kê, xác suất để có thể lên phương án lấy mẫu đại diện, tần suất đánh giá với từng màu và từng nguyên liệu. Nếu việc giảm lấy mẫu dẫn đến sai sót, cơ quan chức năng sẽ tiến hành xử lý vi phạm đối với tổ chức có sai phạm trong quá trình thực hiện.

2. Về việc xử lý sai phạm

2.1. Đơn vị chịu trách nhiệm

- Nếu sai phạm thuộc về mẫu đã được kiểm tra (thử nghiệm), đơn vị thử nghiệm (test) phải chịu trách nhiệm về sai phạm;

- Nếu sai phạm thuộc về mẫu chưa được kiểm tra (thử nghiệm), doanh nghiệp công bố hợp quy sản phẩm phải chịu trách nhiệm;

Công bố đã đưa lên trang mạng của Sở Công Thương chỉ được thừa nhận đối với các trường hợp không vi phạm.

2.2. Quy định xử lý:

Quy định về xử lý sai phạm được quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật với nội dung chi tiết được nêu tại Nghị định số

119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Công bố hợp quy đối với sản phẩm dệt may bán cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất

❖ Doanh nghiệp hỏi:

Công ty có kế hoạch nhập khẩu các mặt hàng như sau: Một là vải lau phòng sạch từ vải dệt (80% Polyester và 20% Nylon) các kích thước 9"x9" và 6"x6", mã HS 63071090 Hai là găng tay bảo hộ dệt kim từ sợi nylon (hoặc sợi polyester) không cách điện, không dùng trong y tế, dùng trong các nhà máy công nghiệp, mã HS 61161090. Công ty sẽ bán trực tiếp các mặt hàng trên cho các doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp và Khu Chế xuất. Vậy theo Thông tư số 21/2017/TT-BCT, có cần tiến hành kiểm định về hàm lượng formaldehyt, amin thơm và công bố hợp quy cho lô hàng này trước khi bán không?

❖ Giải đáp

Bộ Công Thương: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, các sản phẩm dệt may (thuộc Phụ lục 1 kèm theo QCVN), khi đưa ra mua bán, trao đổi, tiếp thị trên thị trường Việt Nam (người dân Việt Nam sử dụng) phải thực hiện hợp quy, công bố hợp quy và dán nhãn CR. Nếu sản phẩm không đưa ra tiêu thụ trên thị trường Việt Nam thì không phải thực hiện hợp quy, công bố hợp quy và dán nhãn CR.

Trường hợp, công ty nhập khẩu hàng hóa sau đó bán cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp, chế xuất, việc thực hiện hợp quy, công bố hợp quy và dán nhãn CR tùy thuộc vào mục đích sử dụng sản phẩm:

- Nếu doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất mua sản phẩm để sau đó đưa ra tiêu thụ tại thị trường Việt Nam thì các sản phẩm đó phải thực hiện hợp quy, công bố hợp quy và dán nhãn CR;

QCVN không quy định cụ thể doanh nghiệp bán (nguyên vật liệu; sản phẩm) hay doanh nghiệp mua phải thực hiện việc hợp quy, công bố hợp quy và gắn dấu CR, việc này do các doanh nghiệp tự thỏa thuận, tuy nhiên phải đảm bảo nguyên tắc các sản phẩm, hàng hóa trước khi đưa ra tiêu thụ trên thị trường Việt Nam phải được công bố hợp quy gắn dấu hợp quy CR.

- Nếu doanh nghiệp trong khu chế xuất mua sản phẩm để sử dụng nội bộ (không đưa ra tiêu thụ tại thị trường Việt Nam), thì không bắt buộc phải thực hiện hợp quy, tuy nhiên Bộ Công Thương khuyến nghị doanh nghiệp nên kiểm tra chất lượng

sản phẩm (hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo) theo các chỉ tiêu quy định tại QCVN để bảo vệ người sử dụng.

4. Thuế VAT chophế liệu hàng sản xuất xuất khẩu

❖ Doanh nghiệp hỏi:

(1). Theo quy định tại Điều 71 Thông tư 39/2018/TT-BTC: phế liệu hàng sản xuất xuất khẩu thu được sau quá trình sản xuất được miễn thuế nhập khẩu nhưng phải kê khai thuế GTGT với cơ quan hải quan. Trường hợp doanh nghiệp kê khai hồ sơ theo mẫu 06/BKKTT/TXNK thì doanh nghiệp có thể kê khai theo tháng và sau ngày xuất hóa đơn của phế liệu được không? Và thời hạn nộp thuế VAT cho phế liệu với cơ quan hải quan là bao lâu kể từ khi nộp mẫu 06 cho cơ quan hải quan?

(2). Doanh nghiệp sản xuất bu lông gồm 05 công đoạn chính: kéo, đập, tôi, mạ, đóng gói. Trong trường hợp thời gian tới, khách hàng có yêu cầu sau khi doanh nghiệp sản xuất tới công đoạn “tôi” sẽ không phủ mạ mà chỉ xử lý bề mặt bằng phốt phát. Và doanh nghiệp sẽ thuê gia công ngoài công đoạn xử lý này sau đó sẽ chuyển lại doanh nghiệp để đóng gói và xuất khẩu (nguyên liệu đầu vào là nhập E31 SXK, thành phẩm xuất đi theo loại hình E62). Vậy doanh nghiệp có phải khai báo hợp đồng gia công thuê ngoài công đoạn xử lý bề mặt với cơ quan hải quan và nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu đưa đi gia công ngoài này không?

❖ Giải đáp

Tổng cục hải quan: với nội dung (1), trường hợp doanh nghiệp kê khai hồ sơ theo mẫu số 06/BKKTT/TXNK thì doanh nghiệp được lựa chọn kê khai nộp thuế với cơ quan hải quan trước khi bán tiêu thụ nội địa (theo từng lần phát sinh) hoặc tổng hợp số lượng phế liệu, phế phẩm đã bán ra trong tháng để kê khai, nộp thuế 01 lần vào cuối tháng (kê khai theo tháng).

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) đối với phế liệu, phế phẩm là thời hạn cơ quan hải quan tiếp nhận bảng kê.

- Nội dung (2):

+ Về việc thông báo hợp đồng gia công lại của loại hình sản xuất xuất khẩu: Theo quy định tại Điều 70 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018) thì “Trường hợp tổ chức, cá nhân khác gia công một phần công đoạn trong quá trình sản xuất thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu có trách nhiệm thông báo hợp đồng gia công lại và trước khi giao nguyên liệu,

vật tư cho đối tác nhận gia công lại phải lưu giữ các chứng từ liên quan đến việc giao nhận nguyên liệu, vật tư, sản phẩm theo quy định tại Điều 62 Thông tư này”.

Đề nghị Công ty căn cứ quy định nêu trên để thực hiện.

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, thuê đơn vị khác gia công một hoặc một số công đoạn thì không đáp ứng điều kiện miễn thuế nhập khẩu quy định tại Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

Vướng mắc này đang được Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 134/2016/NĐ-CP. Trước mắt, doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

5. Hoàn thuế nhập khẩu sau khi gia công ở nước ngoài, tái xuất sang nước thứ 3

❖ Doanh nghiệp hỏi:

Doanh nghiệp sản xuất bột agar tại Việt Nam, sau đó chuyển sang thuê gia công tại Italy. Sau khi gia công, doanh nghiệp nhận lại hàng, sau đó tái xuất sang nước thứ ba. Khi nhập hàng về Việt Nam, sau khi gia công, doanh nghiệp phải đóng thuế nhập khẩu cho phần giá trị chênh lệch theo Nghị định 107, 12 doanh nghiệp được hoàn lại phần thuế này, tuy nhiên trường hợp này chưa có trong nghị định nên xem xét doanh nghiệp có được hoàn thuế nhập khẩu không?

❖ Giải đáp

Tổng cục hải quan: Trường hợp nguyên liệu sản xuất bột agar của doanh nghiệp có nguồn gốc nhập khẩu sau đó được công ty thuê nước ngoài gia công và nhận lại sản phẩm để xuất khẩu thì không thuộc đối tượng được miễn thuế, hoàn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 12, Điều 36 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

- Trường hợp sử dụng nguyên liệu, vật tư trong nước thuê gia công ở nước ngoài phải nộp thuế xuất khẩu (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định 134/2016/NĐ-CP. Sản phẩm sau gia công nhập khẩu trở lại Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu đối với phần trị giá của nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công và phải chịu thuế đối với phần trị giá còn lại của sản phẩm theo mức thuế suất thuế nhập khẩu của sản phẩm gia công nhập khẩu theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định 134/2016/NĐ-CP. Sau khi nhập khẩu trở lại sản phẩm gia công và đã nộp thuế nhập khẩu, trường hợp công ty tiếp tục xuất khẩu nguyên trạng như khi nhập khẩu, đáp ứng quy định tại Điều 34 Nghị định 134/2016/NĐ-CP thì được hoàn lại số tiền thuế nhập khẩu đã nộp.

6. Khai chuyển đổi mục đích sử dụng và xử lý phế liệu, phế phẩm tiêu thụ nội địa

❖ Doanh nghiệp hỏi:

- Doanh nghiệp là công ty chế xuất có nhập khẩu một số nguyên liệu về làm mẫu phục vụ hoạt động đào tạo của công ty, nhưng sau đó có nhu cầu sử dụng nguyên liệu này để sản xuất xuất khẩu. Vậy công ty có phải làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng không? Loại hình tờ khai chuyển đổi mục đích sử dụng là gì? (nếu phải chuyển đổi).

- Xử lý phế liệu, phế phẩm tiêu thụ nội địa: công ty có các phế liệu phế phẩm sau quá trình sản xuất vậy khi thực hiện tiêu hủy, bán phế phẩm, doanh nghiệp có cần bóc, tách riêng các phế phẩm ra thành nguyên liệu khi làm thủ tục xin tiêu hủy/bán phế phẩm không?

❖ Giải đáp

Tổng cục hải quan:

- Nội dung 1:

+ Việc kê khai thay đổi mục đích, chuyển tiêu thụ nội địa thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018); Điều 21 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018). Mã loại hình thực hiện theo công văn số 2765/TCHQ-GSQL ngày 1/4/2015 của Tổng cục Hải quan.

+ Việc xử lý phế liệu, phế phẩm của doanh nghiệp chế xuất; tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm của doanh nghiệp chế xuất được quy định tại Điều 75 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 51 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018). Theo đó:

++ Đối với phế liệu, phế phẩm được phép bán vào thị trường nội địa: Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư nêu trên, theo đó doanh nghiệp chế xuất làm thủ tục xuất khẩu và doanh nghiệp nội địa mở tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu theo loại hình tương ứng.

++ Đối với phế liệu, phế phẩm được phép xuất khẩu ra nước ngoài: doanh nghiệp chế xuất thực hiện thủ tục xuất khẩu theo quy định tại Chương II Thông tư nêu trên.

++ Việc tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm của doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 64 Thông tư nêu trên.

- Nội dung 2: Xử lý phế liệu, phế phẩm tiêu thụ sau quá trình sản xuất khi thực hiện tiêu hủy, bán phế phẩm có cần bóc tách riêng các phế phẩm ra thành nguyên liệu khi làm thủ tục xin tiêu hủy/bán phế phẩm không.

Căn cứ Điều 55 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính, thì:

“Định mức thực tế sản xuất là lượng nguyên liệu, vật tư thực tế đã sử dụng để gia công, sản xuất một đơn vị sản phẩm xuất khẩu và được xác định theo quy định tại mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

Trường hợp phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình sản xuất sản phẩm xuất khẩu trước được sử dụng để tái chế, sản xuất sản phẩm xuất khẩu thì phải xây dựng định mức để sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu đó theo quy định tại Điều này. (Ví dụ: Doanh nghiệp A nhập khẩu lá thuốc lá để sản xuất xuất khẩu sợi thuốc lá loại 1 và sợi thuốc lá loại 2, công đoạn sản xuất là tách lá để sản xuất sợi thuốc lá loại 1 và cọng, sau đó sấy khô, ép bánh...thái sợi để sản xuất sợi thuốc lá loại 2. Vậy doanh nghiệp A phải xây dựng định mức đối với sợi thuốc lá loại 1 và sợi thuốc lá loại 2);

Trong đó, phế liệu là vật liệu loại ra trong quá trình gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu không còn giá trị sử dụng ban đầu được thu hồi để làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác; phế phẩm là thành phẩm, bán thành phẩm không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật (quy cách, kích thước, phẩm chất,...) bị loại ra trong quá trình gia công, sản xuất hàng hoá xuất khẩu và không đạt chất lượng để xuất khẩu.”

Căn cứ Điều 71 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính, thì:

“Phế liệu, phế phẩm thu được trong quá trình sản xuất hàng xuất khẩu khi bán, tiêu thụ nội địa được miễn thuế nhập khẩu nhưng phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và gửi đến cơ quan hải quan thông qua Hệ thống theo chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 04 Phụ lục IIa ban hành kèm Thông tư này. Trường hợp thực hiện trên hồ sơ giấy, người khai hải quan khai theo mẫu số 06/BKKT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này.

Đối với xử lý phế thải, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ghi chép sổ sách chi tiết, xuất trình cho cơ quan hải quan khi kiểm tra.”

Theo đó, phế liệu, phế phẩm thu được trong quá trình sản xuất hàng xuất khẩu khi bán, tiêu thụ nội địa được miễn thuế nhập khẩu nhưng phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và gửi

THÔNG TIN PHỤC VỤ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

đến cơ quan hải quan thông qua Hệ thống theo chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 04 Phụ lục IIa ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Trường hợp thực hiện trên hồ sơ giấy, người khai hải quan khai theo mẫu số 06/BKKTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC. (Doanh nghiệp không phải bóc tách phế phẩm thành nguyên liệu, vật tư ban đầu).

**Phòng Thông tin Xúc tiến thương mại và Đầu tư
655 Phạm Văn Đồng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội**

**Bộ phận biên tập
Tel: (024) 22192872**

**Phụ trách nội dung
ĐT: 0912117775
Email: hangdt@moit.gov.vn**

Tài liệu không bán.

In xong và lưu gửi tháng 4/2019.